

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HS-PT

Ngày: 21-11-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo L.H.D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2022/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* **L.H.D**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TP, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm biển; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông L.V.C (chết) và bà Đ.T.V (chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ.V.T (sinh năm 1975) và L.H.D là anh em cô cậu ruột có nhà đối diện nhau tại ấp Thanh Phú, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Vào khoảng 14 giờ ngày 07/6/2021, Đ.V.T cùng với Đ.T.C (sinh năm 2001, là con ruột của Đ.V.T), L.V.S (sinh năm 1987, là em ruột của L.H.D), L.V.B (sinh năm 1975), L.T.C (sinh năm 1983), N.T.Đ (sinh năm 1990), P.V.P (sinh năm 1980), N.V.C (sinh năm 1975), V.V.L (sinh năm 1984), L.P.C (sinh năm 1986), Đ.V.A (sinh năm 1982) và L.V.Q (sinh năm 1980) tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà ăn thua bằng tiền tại ấp TP, xã B thì xảy ra mâu thuẫn đánh nhau giữa cha con Đ.V.T, Đ.T.C với L.V.S, được mọi người can ngăn nên tất cả giải tán. Khi

về đến nhà, L.V.S la lớn thông báo cho gia đình biết mình bị cha con Đ.V.T, Đ.T.C đánh. Lúc này, L.H.D đang ở trong nhà nghe L.V.S bị đánh nên đi ra nhặt đá ném vào nhà Đ.V.T thì được anh chị em chạy ra can ngăn kéo L.H.D vào nhà. Khi thấy Đ.V.T đứng cự cãi với L.V.S trước sân, L.H.D liền chạy xuống nhà sau lấy con dao chạy ra chém hai nhát liên tiếp nhưng không trúng, L.H.D chém tiếp nhát thứ ba thì ông Đ.V.T đưa tay phải lên đỡ nên trúng vào tay gây thương tích được mọi người đưa đến bệnh viện điều trị.

Vật chứng thu giữ là 01 con dao dài 42cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26cm có một cạnh bén, mũi dao bằng; cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 16cm, đường kính 03cm do L.H.D giao nộp; chưa xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 213-721/TgT ngày 27/10/2021, Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận Đ.V.T bị vết thương mặt sau cằm tay phải 10cm; đứt gân duỗi ngón cái, các ngón duỗi cổ tay trụ; tổn thương khớp quay trụ dưới. Xquang gãy đầu dưới xương quay: 06%. Phẫu thuật cắt lọc, khâu màng xương, khâu nối gân. Hiện: Vết thương lành sẹo kích thước 15cm x 0,1cm: 02%; vận động gấp-duỗi khớp cổ tay hạn chế: 05%; tê mặt lòng bàn tay và mặt lưng bàn tay; còn sưng nề đầu khớp cổ tay. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc – nhọn gây ra, con dao thu giữ có thể gây ra thương tích trên. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12%.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo L.H.D phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.H.D 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2022 bị cáo L.H.D kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.H.D phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định. Xét kháng cáo của bị cáo, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ, với hình phạt 02 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là tương xứng giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a

khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.H.D 02 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, không nói lời sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 15 giờ ngày 07/6/2021 tại ấp TP, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, tuy giữa bị cáo và bị hại Đ.V.T không có mâu thuẫn gì nhưng L.H.D đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém ông Đ.V.T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.H.D phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a “Dùng hung khí nguy hiểm” và điểm i “Có tính chất côn đồ” của khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội và chú ruột là người có công với đất nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo bị kích động mạnh do hành vi của bị hại đã gây ra cho em của bị cáo, tuy nhiên sự việc mâu thuẫn xảy ra giữa anh L.V.S (em của bị cáo) và anh Đ.V.T đã xảy ra trước đó, đến khi anh Đ.V.T về nhà, bị cáo lại dùng đá ném vào nhà anh Đ.V.T nhưng được anh em của bị cáo ngăn cản, bị cáo lại dùng dao chém anh Đ.V.T gây thương tích nên không phù hợp để áp dụng. Bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp được giữ nguyên nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát viên là có

căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo L.H.D phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **L.H.D** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo L.H.D phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (3b);
- VKSND huyện Ba Tri (1b);
- Công an huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã B, h. Ba Tri (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**